

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Ngọc Anh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 706/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 746/2022/QĐST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị É, địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị É trình bày:

Chị E và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 5 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp nhau, anh L không tu chí làm ăn, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị E nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị E xác định không còn tình cảm với anh L và đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: chị E và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2014. Ly hôn chị E đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh xác nhận chị E trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung và tài sản chung là đúng. Anh đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị E kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh Nguyễn Văn L đề nghị mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung: Anh L nhất trí với ý kiến của chị E, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị É đã cơ bản tuân thủ đúng các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn L không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Lê Thị É được ly hôn anh Nguyễn Văn L; về con chung: Giao con Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2014 cho chị Lê Thị É nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Lê Thị É phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị É có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Văn L. Anh Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị E và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 5 năm 2010 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp nhau, anh L không tu chí làm ăn, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị E nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Địa phương và gia đình anh L, chị E cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, kéo dài. Anh L mặc dù có đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ chối đến Tòa hoà giải điều đó cho thấy đề nghị đoàn tụ của anh không có thiện chí. Bên cạnh đó, anh L cũng không có biện pháp gì để động viên chị E quay về chung sống mặc dù vợ chồng đã ly thân được gần 6 năm. Xét, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị E đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị E có đơn xin ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị É và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2014. Chị E yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L yêu cầu mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, hai cháu Diệp, Đức do chị E nuôi dưỡng. Hiện tại, các cháu đang sinh sống ổn định tại gia đình bố mẹ đẻ chị E, việc học tập của các cháu đã đi vào nề nếp. Chị E lại đang làm công nhân thu nhập từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng, bố mẹ đẻ chị E còn khỏe, sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc các con. Còn anh L là lao động tự do làm việc hút bùn thu nhập không ổn định khoảng 4.000.000đ/tháng. Bên cạnh đó, các cháu Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Minh Đ đều đã trên 7 tuổi và có đơn xin ở với mẹ. Do đó, cần

cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cả hai con Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Minh Đ cho chị E nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị É phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị É được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2014 cho chị Lê Thị É nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị É phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Hoài An đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001229 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị É đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị É có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh